

Số: /KH-UBND

Cát Hải, ngày tháng 10 năm 2025

## KẾ HOẠCH

**Thực hiện Kế hoạch hành động số 09-KH/ĐU, ngày 03/10/2025  
của Ban Thường vụ Đảng ủy đặc khu về thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW  
ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,  
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn đặc khu Cát Hải**

Thực hiện Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Thực hiện Kế hoạch hành động số 09-KH/ĐU ngày 03/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy đặc khu Cát Hải về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn đặc khu Cát Hải;

Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW) và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP); Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của UBND thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 09-KH/ĐU ngày 03/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy đặc khu Cát Hải.

- Triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP); Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của UBND thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 09-KH/ĐU ngày 03/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy đặc khu Cát Hải.

- Xác định rõ trách nhiệm và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và cá nhân có liên quan trong việc triển khai, đánh

giá thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của UBND thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 09-KH/ĐU ngày 03/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy đặc khu Cát Hải. Bảo đảm việc triển khai các nội dung về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được gắn kết chặt chẽ, đồng bộ với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền số trên địa bàn đặc khu.

## 2. Yêu cầu

- Tổ chức triển khai đồng bộ, thống nhất và kịp thời các nhiệm vụ theo chỉ đạo của thành phố đến các cơ quan đơn vị, các thôn tại đặc khu. Xây dựng kế hoạch thực hiện với lộ trình rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể; thường xuyên kiểm tra, giám sát, định kỳ hàng năm tổ chức đánh giá kết quả, kịp thời điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chuyên môn với các thôn, đoàn thể chính trị - xã hội trong triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tập trung thực hiện hiệu quả, phấn đấu vượt mức các chỉ tiêu được giao thông qua việc rà soát, cải tiến quy trình công vụ, thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện cơ chế, chính sách ở cấp cơ sở nhằm tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong sử dụng dịch vụ công và tham gia phát triển kinh tế số tại địa phương.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực, từng bước hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin của đặc khu; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thông qua tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động quản lý điều hành của chính quyền đặc khu, đồng thời hỗ trợ hộ kinh doanh, thanh niên, phụ nữ... tham gia khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển các mô hình kinh tế số phù hợp. Chủ động phối hợp triển khai các chương trình đào tạo, ứng dụng, chuyển giao công nghệ theo hướng dẫn của thành phố.

## II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

**1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn đặc khu về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

1.1. Triển khai tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; cụ thể hóa hình thức, nội dung tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng; định kỳ đánh giá kết quả công tác tuyên truyền các nội dung về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

1.2. Thực hiện, xây dựng ban hành các nội dung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hàng

năm; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả thực hiện và bộ tiêu chí đánh giá được cấp có thẩm quyền ban hành; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả.

1.3. Rà soát, xây dựng và lồng ghép các tiêu chí đánh giá, xếp loại công chức, cán bộ đặc khu trong công tác cuối năm, trong đó đưa nội dung thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là một tiêu chí quan trọng. Đồng thời, đưa nội dung chuyển đổi số vào sinh hoạt định kỳ của các chi bộ trực thuộc và coi đây là cơ sở để đánh giá trách nhiệm, năng lực chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu các bộ phận chuyên môn.

1.4. Tham gia các lớp “học tập số”, bồi dưỡng kỹ năng công nghệ, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn đặc khu; đồng thời phát động các phong trào thi đua đổi mới sáng tạo trong công tác chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, cải tiến phương thức hoạt động. Qua đó, khơi dậy tinh thần tự học, sáng tạo, tự chủ, tự lực, phát huy trí tuệ tập thể nhằm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương.

1.5. Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), phần mềm quản lý và nền tảng số do thành phố hoặc các sở, ngành tổ chức; tích cực cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý ở cấp đặc khu.

1.6. Xây dựng quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của đặc khu.

1.7. Xây dựng các biện pháp tăng cường quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng, định hướng sử dụng mạng xã hội tích cực cho thanh thiếu niên trên môi trường mạng góp phần xây dựng nền tảng nhân lực chất lượng cao của đặc khu.

1.8. Phát động phong trào thi đua chuyển đổi số đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức.

## **2. Chủ động hoàn thiện thể chế tạo lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

2.1. Chủ động nghiên cứu và tham góp ý kiến đối với các văn bản, chính sách khi được các Ban, Sở, ngành, thành phố xin ý kiến như: góp ý trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển công nghệ số chiến lược, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp dữ liệu lớn, công nghiệp an toàn, an ninh mạng, công nghiệp Internet ...

2.2. Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc đặc khu phù hợp quy định của Trung ương và Thành phố, trong đó đặc biệt quan tâm tới yếu tố đặc thù của địa phương để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2.3. Rà soát, đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và quản lý nội bộ của hệ thống

chính trị đặc khu; xây dựng các giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, nền tảng điều hành theo hướng đồng bộ, thống nhất với hệ thống thành phố. Đảm bảo hoạt động quản lý, điều hành của đặc khu thông suốt, hiệu quả, thích ứng nhanh với yêu cầu sau sắp xếp đơn vị hành chính.

2.4. Chủ động rà soát các quy trình, thủ tục hành chính và quy định nội bộ có liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phạm vi quản lý của đặc khu; kiến nghị điều chỉnh, đơn giản hóa, cắt giảm những thủ tục không còn phù hợp, gây cản trở hoặc làm chậm quá trình triển khai nhiệm vụ, nhằm tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức và cán bộ thực thi.

2.5. Triển khai chương trình phối hợp giữa UBND đặc khu với doanh nghiệp và các tổ chức trên địa bàn nhằm đưa ứng dụng công nghệ, kết quả nghiên cứu, sáng kiến đổi mới sáng tạo vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và phục vụ cộng đồng. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng và dịch vụ số tại địa phương, tập trung vào nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin cơ bản, mở rộng dịch vụ số phục vụ người dân, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành và đảm bảo đồng bộ với hệ thống thành phố.

2.6. Rà soát, giới thiệu và tạo điều kiện để lực lượng trẻ có năng lực, đam mê công nghệ tham gia các lớp đào tạo kỹ năng số, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo do thành phố tổ chức.

2.7. Lựa chọn và triển khai thí điểm một số mô hình ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo phù hợp với đặc điểm dân cư, hạ tầng và hoạt động của đặc khu (ví dụ: thôn không giấy tờ, thôn số, mô hình “thôn thông minh”...).

2.8. Xây dựng kế hoạch, lộ trình phát triển chuyển đổi số đặc khu giai đoạn 2026 - 2030.

2.9. Triển khai Chiến lược chuyển đổi số và phát triển kinh tế số theo hướng dẫn của Thành phố. Tập trung vào các lĩnh vực như dịch vụ, du lịch, thương mại, hành chính công và quản lý đô thị; từng bước hình thành mô hình kinh tế số quy mô nhỏ phù hợp với điều kiện thực tiễn của đặc khu.

### **3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

3.1. Cân đối ngân sách của địa phương dành cho hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phân đầu bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hàng năm.

3.2. Tăng cường xã hội hoá, vận động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn hỗ trợ trang thiết bị, kết nối mạng hoặc hợp tác triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ phục vụ nhân dân, nhất là tại các thôn, tổ công nghệ số cộng đồng.

3.3. Rà soát, đánh giá thực trạng hạ tầng công nghệ thông tin tại đặc khu; nâng cấp trang thiết bị, đường truyền mạng nội bộ, hệ thống máy tính, máy in, thiết bị số hóa... phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công, đáp ứng yêu cầu CDS và đáp ứng yêu cầu triển khai Đề án 06/CP của Chính phủ.

3.4. Đề xuất Cục chứng thực số và bảo mật thông tin Ban Cơ yếu chính phủ hoàn thiện cấp chứng thư số đến 100% cán bộ, công chức của địa phương.

3.5. Số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu về hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch tại UBND đặc khu.

3.6. Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các giải pháp phát triển lĩnh vực công nghiệp văn hóa, công nghiệp văn hóa số, xây dựng sản phẩm du lịch số, hệ sinh thái du lịch thông minh.

3.7. Xây dựng các dự án đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2026 - 2030 và các giai đoạn tiếp theo trên địa bàn.

3.8. Ưu tiên đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại các cơ sở giáo dục và đào tạo nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho cho nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực số.

#### **4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số**

4.1. Triển khai chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung cho các lĩnh vực khoa học và công nghệ. Tiếp tục đề xuất xây dựng, ban hành, triển khai các chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp nhu cầu quản lý của đặc khu.

4.2. Thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của các cơ quan trực thuộc đặc khu;

4.3. Phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan trực thuộc UBND đặc khu;

4.4. Chọn cử đội ngũ nhân sự tham gia các khoá, lớp đào tạo, bồi dưỡng do thành phố tổ chức. Ưu tiên đào tạo cho đội ngũ nhân lực tại chỗ hoàn thiện cũng như nâng cao trình độ chuyên môn phù hợp thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

4.5. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường phương thức giáo dục nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức khoa học gắn liền với những ứng dụng trong thực tiễn (giáo dục STEM); kết hợp ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, không gian ảo trong các nhà trường.

4.6. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên giảng dạy tại các trường Tiểu học, THCS trên địa bàn đặc khu về kỹ năng số, ứng dụng khoa học công nghệ (AI), đổi mới sáng tạo vào giảng dạy.

4.7. Đào tạo kỹ năng số cho người dân, phát triển phong trào "Bình dân học vụ số" nhằm phổ cập kỹ năng số, giúp mọi người dân có thể tiếp cận, sử dụng và làm chủ công nghệ một cách hiệu quả, từ đó tham gia sâu hơn vào nền kinh tế số, xã hội số.

**5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh**

5.1. Xây dựng, triển khai Chương trình, Kế hoạch phát triển Chính quyền số với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển Chính quyền số;

5.2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ để xây dựng các cơ sở dữ liệu về quản lý nhà nước nhằm trợ giúp các cơ quan quản lý nhà nước trong việc ra quyết định hành chính kịp thời, chính xác, đúng quy định;

5.3. Thường xuyên kiểm tra, nâng cấp hệ thống thiết bị CNTT tại các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị đặc khu; đảm bảo vận hành thông suốt, an toàn mạng, bảo mật dữ liệu. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số chuyên dùng (Phần mềm, phần cứng) phục vụ nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong xử lý công việc nội bộ, quản lý hành chính công, tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ; hướng tới giảm giao dịch trực tiếp, tăng sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4;

5.4. Phối hợp với các cơ quan tham mưu giúp việc của Đảng ủy, Ủy ban MTTQ Việt Nam đặc khu để đảm bảo liên thông, đồng bộ trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị.

5.5. Ứng dụng nền tảng số để thống kê dân cư, quản lý thôn, cập nhật dữ liệu phản ánh hiện trường, giám sát an ninh, trật tự...

5.6. Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

5.7. Xây dựng văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục, tạo môi trường thanh lịch, văn minh trên môi trường số; tham gia góp ý xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng.

5.8. Ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc các sản phẩm công nghiệp theo hướng dẫn Sở Công thương.

5.9. Tăng cường Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo; xây dựng nền tảng học tập số, số hóa trường học.

- Triển khai số hóa toàn bộ hoạt động của đơn vị gồm: công tác hành chính, tài chính, nhân sự, cơ sở vật chất, quản lý hoạt động chuyên môn... trên nền tảng số thống nhất.

- CDS trong Dạy học thông minh: xây dựng và triển khai nền tảng học tập số hỗ trợ học trực tuyến, học kết hợp được cá nhân hóa. Ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR), AI trong quá trình dạy và học.

- Phát triển nhân lực số trong giáo dục và đào tạo: triển khai các chương trình bồi dưỡng kỹ năng số, tư duy ĐMST và khả năng ứng dụng công nghệ, đặc

biệt là AI, cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh, nhằm nâng cao năng lực thích ứng và chủ động trong CDS toàn diện.

5.10. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa nhằm tích cực tham gia phát triển các ngành công nghiệp văn hoá. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh trên môi trường số. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hoá, các di sản văn hóa số để bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể trên địa bàn đặc khu. Huy động, khuyến khích và xây dựng cơ chế đãi ngộ, động viên đội ngũ tri thức, thanh niên là lực lượng tiên phong xây dựng văn hóa số trên địa bàn.

5.11. Tăng cường phối hợp, giám sát trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

5.12. Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên môi trường mạng và tội phạm trên không gian mạng.

5.13. Đảm bảo hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn được thực hiện trên nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan Nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp. Đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thông tin, báo cáo và phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị thành phố sau khi công tác sắp xếp đơn vị hành chính các cấp được thực hiện hiệu quả, thông suốt trên môi trường mạng.

5.14. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan Nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.

## **6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, phát triển kinh tế**

6.1. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn về vai trò, lợi ích của việc ứng dụng CNTT, CDS, thương mại điện tử và đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

6.2. Triển khai các giải pháp thúc đẩy sử dụng các nền tảng số như: Hóa đơn điện tử, không sử dụng tiền mặt, sàn thương mại điện tử, định danh điện tử trong giao dịch trực tuyến.

6.3. Khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng các Mô hình thông minh trong các lĩnh vực Văn hóa, Du lịch...; nông nghiệp; Nhà kính thông minh.

6.5. Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực Văn hóa, Du lịch: Cập nhật dữ liệu di tích trên địa bàn đặc khu theo hướng dẫn của Thành phố; hồ sơ tư liệu các di sản

văn hóa Việt Nam đã được ghi danh, công nhận và xếp hạng được số hóa, hiện diện trên môi trường số.

## **7. Tăng cường hợp tác trong phát triển ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo**

7.1. Phối hợp với doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ công thông qua mạng lưới bưu chính công ích và ứng dụng của doanh nghiệp. Khai thác hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích để hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ Chính quyền số, đặc biệt là các đối tượng yếu thế trong xã hội.

7.2. Tìm kiếm, thiết lập kênh kết nối, trao đổi kinh nghiệm với các phường, xã, đặc khu khác trong thành phố để chia sẻ mô hình hay, cách làm hiệu quả trong công tác **chuyển đổi số**, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Văn hóa- Xã hội**

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chuyên môn, các thôn và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Kế hoạch. Kịp thời tổng hợp tình hình, đề xuất UBND đặc khu về các biện pháp cụ thể nhằm đảm bảo triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ đã đề ra.

- Tham mưu tổ chức các chương trình truyền thông, tuyên truyền nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng và phát triển hệ thống tuyên truyền đa nền tảng qua hệ thống đài truyền thanh, cổng/trang thông tin điện tử của đặc khu, các nhóm Zalo, Facebook cộng đồng nhằm phổ biến thông tin sâu rộng đến Nhân dân.

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về công nghệ số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân. Phối hợp duy trì hoạt động hiệu quả của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn.

### **2. Văn phòng HĐND và UBND đặc khu**

- Chủ động phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan tham mưu triển khai các giải pháp điện tử hóa, số hóa quy trình nghiệp vụ xử lý văn bản, hồ sơ, thủ tục hành chính; đảm bảo kết nối, liên thông giữa các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn đặc khu.

- Tổ chức rà soát, cập nhật, đồng bộ dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; tham mưu triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan hành chính Nhà nước.

- Phối hợp triển khai các nhiệm vụ nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu triển khai Đề án 06/CP của Chính phủ và các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn đặc khu.

### **3. Phòng Kinh tế**

- Chủ trì tham mưu, bố trí, cân đối và bảo đảm nguồn kinh phí hàng năm để triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định. Chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu các giải pháp thúc đẩy phát triển hạ tầng công nghệ

thông tin, viễn thông, hạ tầng số, phục vụ các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn đặc khu.

- Tham mưu tổ chức triển khai các nội dung chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý đô thị, đất đai, trật tự xây dựng, tài nguyên - môi trường, nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

#### **4. Trung tâm Phục vụ hành chính công**

- Chủ trì, tham mưu triển khai các nhiệm vụ liên quan đến công tác tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân đảm bảo nhanh chóng, thuận tiện, đúng quy định; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Phối hợp với các phòng, ban chuyên môn và Văn phòng HĐND và UBND đặc khu thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phần mềm dùng chung theo chỉ đạo của thành phố.

- Tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, đặc biệt là dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4; góp phần nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số trong cải cách hành chính.

- Thường xuyên phối hợp kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; tham mưu xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh, đảm bảo công khai, minh bạch và đúng quy định pháp luật.

#### **5. Công an đặc khu**

- Phối hợp đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin và trật tự an toàn xã hội trong quá trình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến chuyển đổi số, phát triển khoa học công nghệ.

- Chủ động đấu tranh, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng, phối hợp xử lý thông tin xấu độc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong môi trường số.

#### **6. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam đặc khu**

- Có trách nhiệm chủ động phối hợp cùng UBND đặc khu đẩy mạnh tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

- Tổ chức các hoạt động, phong trào thi đua thiết thực gắn với nhiệm vụ của từng đoàn thể; kịp thời phát hiện, biểu dương và nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả trong cộng đồng dân cư trên toàn địa bàn đặc khu.

- Chỉ đạo Đoàn Thanh niên thực hiện vai trò xung kích, tiên phong trong ứng dụng công nghệ mới, hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, phổ cập kiến thức số cho tầng lớp thanh thiếu niên và Nhân dân trên địa bàn đặc khu.

#### **7. Các Thôn trên địa bàn đặc khu**

- Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể, tổ chức thực hiện đầy đủ, toàn diện các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp được phân công trong Kế hoạch này.

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; tăng cường kiểm tra, giám sát tiến độ, chất lượng thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả về UBND đặc khu (qua Phòng Văn hóa- Xã hội) để tổng hợp, đánh giá. Đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp trong hệ thống chính trị được triển khai hiệu quả, thông suốt; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong quá trình triển khai Kế hoạch.

Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải đề nghị các phòng, ban, ngành, đoàn thể, các thôn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch, đảm bảo thiết thực, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn đặc khu./.

**Nơi nhận:**

- UBND thành phố (để b/c);
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Đảng ủy đặc khu;
- Thường trực HĐND đặc khu;
- CT, các PCT UBND đặc khu;
- Ủy ban MTTQ đặc khu;
- Công an đặc khu;
- Các CQCM, đơn vị SN thuộc đặc khu;
- Các trường MN, TH, THCS;
- Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn;
- Các Thôn trên địa bàn đặc khu;
- C, PCVP HĐND và UBND đặc khu;
- Lưu: VT, VHXH .

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Viết Điện**

**PHỤ LỤC 1:**  
**CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THEO NGHỊ QUYẾT 71/NQ-CP**  
**Đến năm 2030**

| TT                                                                                                                              | Chỉ tiêu                                                                                                         | Đơn vị | Kết quả   | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----------|------------------------------------|
| <b>I. Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử</b> |                                                                                                                  |        |           |                                    |
| 1                                                                                                                               | Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp                                              | %      | $\geq 85$ | Trung tâm PV Hành chính công       |
| 2                                                                                                                               | Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính                                                        | %      | 100       | Trung tâm PV Hành chính công       |
| 3                                                                                                                               | Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử                                                          | %      | 100       | Trung tâm PV Hành chính công       |
| 4                                                                                                                               | Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công | %      | 80        | Trung tâm PV Hành chính công       |
| 5                                                                                                                               | Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công                                    | %      | 80        | Trung tâm PV Hành chính công       |
| 6                                                                                                                               | Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của cơ quan hành chính nhà nước          | %      | 100       | Văn phòng HĐND &UBND đặc khu       |
| 7                                                                                                                               | Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử     | %      | 100       | Văn phòng HĐND &UBND đặc khu       |
| 8                                                                                                                               | Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử                 | %      | 100       | Văn phòng HĐND &UBND đặc khu       |

| TT                                              | Chỉ tiêu                                                                                                                                                           | Đơn vị          | Kết quả         | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------------------------------|
| <b>II. Hạ tầng số</b>                           |                                                                                                                                                                    |                 |                 |                                    |
| 1                                               | Chi ngân sách hằng năm cho phát triển KHCN, ĐMST, CDS quốc gia                                                                                                     | % tổng chi NSNN | Phần đầu đạt 3% | Phòng Kinh tế                      |
| 2                                               | Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.                                                                                 | %               | 100%            | Phòng Văn hóa -Xã hội              |
| 3                                               | Phủ sóng 5G cho người dân                                                                                                                                          | % dân số        | 100%            | Phòng Văn hóa -Xã hội              |
| 4                                               | Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân                                                                                                 | %               | $\geq 10$       | Phòng Văn hóa -Xã hội              |
| 5                                               | Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông                                                                           | %               | $\geq 90$       | Phòng Văn hóa -Xã hội              |
| <b>III. Các chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo</b> |                                                                                                                                                                    |                 |                 |                                    |
| 1                                               | Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên phần đầu đạt mức độ 2 trở lên                                                                              | %               | $\geq 95\%$     | Phòng Văn hóa -Xã hội              |
| 2                                               | Tỷ lệ các sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên                                                      | %               | $\geq 90\%$     | Phòng Văn hóa -Xã hội              |
| 3                                               | Tỷ lệ Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số; cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số | %               | 100%            | Phòng Văn hóa -Xã hội              |

|    |                                                                                                                                                                                                                                   |   |             |                       |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------|-----------------------|
| 4  | Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học                                                                                     | % | 100%        | Phòng Văn hóa -Xã hội |
| 5  | Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học | % | 100%        | Phòng Văn hóa -Xã hội |
| 6  | Tỷ lệ các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào các môn học và hoạt động giáo dục                                                                                     | % | $\geq 95\%$ | Phòng Văn hóa -Xã hội |
| 7  | Tỷ lệ Cơ sở giáo dục trung học, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên                                                                                           | % | $\geq 85\%$ | Phòng Văn hóa -Xã hội |
| 8  | Tỷ lệ các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được trang bị đầy đủ cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ công tác chuyển đổi số trong giáo dục                                                 | % | 100%        | Phòng Văn hóa -Xã hội |
| 9  | Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai hệ thống thư viện số liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu với các cơ sở giáo dục trên địa bàn đặc khu                                                     | % | 90%         | Phòng Văn hóa -Xã hội |
| 10 | Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục; cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên              | % | 95%         | Phòng Văn hóa -Xã hội |

**PHỤ LỤC 2:**  
**CÁC CHỈ TIÊU THEO DÕI ĐÁNH GIÁ THEO GIAI ĐOẠN 05 NĂM**

| Stt                             | Chỉ tiêu                                                                                             | Năm 2025            | Năm 2030            | Năm 2035 | Năm 2040    | Năm 2045      | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá | Sản phẩm đầu ra |
|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|----------|-------------|---------------|------------------------------------|-----------------|
| <b>I. Phát triển hạ tầng</b>    |                                                                                                      |                     |                     |          |             |               |                                    |                 |
| 1.                              | Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đặc khu (theo chỉ tiêu của thành phố).                                | ≥60%                | 100%                | 100%     | 100%        | 100%          | Phòng Văn hóa -Xã hội              | Số liệu báo cáo |
| 2.                              | Tỷ lệ phủ sóng 5G tại các điểm du lịch (theo chỉ tiêu của thành phố).                                | 100%                | 100%                | 100%     | 100%        | 100%          | Phòng Văn hóa -Xã hội              | Số liệu báo cáo |
| 3.                              | Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định tốc độ trên 01 Gbps/s                     | ≥60%                | 100%                | 100%     | 100%        | 100%          | Phòng Văn hóa -Xã hội              | Số liệu báo cáo |
| 4.                              | Tỷ lệ phủ sóng 6G tại khu công nghiệp, cảng biển trên địa bàn đặc khu (theo chỉ tiêu của thành phố). | -                   | -                   | 100%     | 100%        | 100%          | Phòng Văn hóa -Xã hội              | Số liệu báo cáo |
| 5.                              | Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đặc khu (theo chỉ tiêu của thành phố).                                | -                   | -                   | 50%      | 80%         | 100%          | Phòng Văn hóa -Xã hội              | Số liệu báo cáo |
| <b>II. Phát triển nguồn lực</b> |                                                                                                      |                     |                     |          |             |               |                                    |                 |
| 6.                              | Tỷ lệ chi cho KHCN, ĐMST, CDS trong tổng chi ngân sách đặc khu                                       | Phấn đấu ít nhất 3% | Phấn đấu ít nhất 3% | Đạt 3%   | Đạt trên 3% | Đạt trên 3,5% | Phòng Kinh tế                      | Số liệu báo cáo |

| Stt | Chỉ tiêu                                                                                                                                                           | Năm 2025 | Năm 2030 | Năm 2035 | Năm 2040 | Năm 2045 | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá | Sản phẩm đầu ra |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|------------------------------------|-----------------|
| 7.  | Tỷ lệ cán bộ, công chức đặc khu được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản                                                                                                  | 80%      | 100%     | 100%     | 100%     | 100%     | Phòng Văn hóa -Xã hội              | Số liệu báo cáo |
| 8.  | Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành                                                                 | 80%      | 100%     | 100%     | 100%     | 100%     | Phòng Văn hóa -Xã hội              | Số liệu báo cáo |
| 9.  | Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông                                                                           | 80%      | 90%      | 95%      | 97%      | 100%     | Phòng Văn hóa -Xã hội              | Số liệu báo cáo |
| 10. | Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên phần đầu đạt mức độ 2 trở lên                                                                              | ≥75%     | ≥95%     | 100%     | 100%     | -        | Phòng Văn hóa -Xã hội              | Số liệu báo cáo |
| 11. | Tỷ lệ các sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên                                                      | ≥70%     | ≥90%     | ≥95%     | 100%     | -        | Phòng Văn hóa -Xã hội              | Số liệu báo cáo |
| 12. | Tỷ lệ Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số; cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số | ≥90%     | 100%     | -        | -        | -        | Phòng Văn hóa -Xã hội              | Số liệu báo cáo |
| 13. | Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học                      | 80%      | 100%     | -        | -        | -        | Phòng Văn hóa -Xã hội              | Số liệu báo cáo |
| 14. | Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học                                                 | -        | 100%     | -        | -        | -        | Phòng Văn hóa -Xã hội              | Số liệu báo cáo |

|     |                                                                                                                                                                                                                      |   |             |             |      |      |                          |                 |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------|-------------|------|------|--------------------------|-----------------|
|     | viên) phù hợp với quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học                                                                                                       |   |             |             |      |      |                          |                 |
| 15. | Tỷ lệ các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào các môn học và hoạt động giáo dục                                                                        | - | $\geq 95\%$ | $\geq 95\%$ | 100% | 100% | Phòng Văn hóa<br>-Xã hội | Số liệu báo cáo |
| 16. | Tỷ lệ Cơ sở giáo dục trung học, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên                                                                              | - | $\geq 85\%$ | $\geq 95\%$ | 100% | 100% | Phòng Văn hóa<br>-Xã hội | Số liệu báo cáo |
| 17. | Tỷ lệ các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được trang bị đầy đủ cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ công tác chuyển đổi số trong giáo dục                                    | - | 100%        | 100%        | 100% | 100% | Phòng Văn hóa<br>-Xã hội | Số liệu báo cáo |
| 18. | Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai hệ thống thư viện số liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu với các cơ sở giáo dục trên địa bàn đặc khu                                        | - | 90%         | 90%         | 95%  | 100% | Phòng Văn hóa<br>-Xã hội | Số liệu báo cáo |
| 19  | Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục; cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên | - | 95%         | 95%         | 100% | 100% | Phòng Văn hóa<br>-Xã hội | Số liệu báo cáo |

|                                            |                                                                                                                                |       |        |      |      |      |                              |                 |
|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--------|------|------|------|------------------------------|-----------------|
| 20                                         | Dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số) | -     | -      | -    | 80%  | 90%  | Phòng Văn hóa<br>-Xã hội     | Số liệu báo cáo |
| <b>III. Phát triển khoa học, công nghệ</b> |                                                                                                                                |       |        |      |      |      |                              |                 |
| 21                                         | Tốc độ đổi mới công nghệ trung bình                                                                                            | -     | 20-22% | -    | -    | -    | Phòng Văn hóa<br>-Xã hội     | Số liệu báo cáo |
| <b>IV. Phát triển Chuyển đổi số</b>        |                                                                                                                                |       |        |      |      |      |                              |                 |
| 22                                         | Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và đặc khu                         | ≥70%  | 100%   | 100% | 100% | 100% | Trung tâm PV hành chính công | Số liệu báo cáo |
| 23                                         | Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”                                                                           | ≥70%  | 100%   | 100% | 100% | 100% | Trung tâm PV hành chính công | Số liệu báo cáo |
| 24                                         | Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải được thu thành chính được số hóa                                                                     | ≥80%  | 100%   | 100% | 100% | 100% | Trung tâm PV hành chính công | Số liệu báo cáo |
| 25                                         | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên nền tảng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện                                   | 100%% | 100%   | 100% | 100% | 100% | Trung tâm PV hành chính công | Số liệu báo cáo |

|    |                                                                                       |             |             |             |             |             |                                                             |                 |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------------------------------------------------------|-----------------|
| 26 | Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến                                       | $\geq 70\%$ | $\geq 85\%$ | $\geq 95\%$ | 100%        | 100%        | Trung tâm PV hành chính công                                | Số liệu báo cáo |
| 27 | Tỷ lệ hệ thống thông tin của đặc khu vận hành trên nền tảng điện toán đám mây         | $\geq 40\%$ | $\geq 50\%$ | $\geq 90\%$ | 100%        | 100%        | Phòng Văn hóa - Xã hội                                      | Số liệu báo cáo |
| 28 | Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của đặc khu được số hóa và liên thông                             | $\geq 50\%$ | $\geq 60\%$ | 100%        | 100%        | 100%        | Phòng Văn hóa - Xã hội; các cơ quan chuyên môn UBND đặc khu | Số liệu báo cáo |
| 29 | Tỷ lệ dữ liệu của các phòng, ban, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP       | $\geq 60\%$ | $\geq 85\%$ | 100%        | 100%        | 100%        | Phòng Văn hóa - Xã hội; các cơ quan chuyên môn UBND đặc khu | Số liệu báo cáo |
| 30 | Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số                        | $\geq 30\%$ | $\geq 60\%$ | $\geq 85\%$ | $\geq 95\%$ | 100%        | Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế.                      | Số liệu báo cáo |
| 31 | Tỷ lệ người dân có chữ ký số                                                          | -           | $\geq 10\%$ | $\geq 20\%$ | $\geq 30\%$ | $\geq 40\%$ | Công an đặc khu                                             | Số liệu báo cáo |
| 32 | Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)                                | $\geq 70\%$ | $\geq 85\%$ | $\geq 95\%$ | 100%        | 100%        | Công an xã; các cơ quan chuyên môn UBND đặc khu             | Số liệu báo cáo |
| 33 | Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền cấp đặc khu sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất | $\geq 60\%$ | $\geq 90\%$ | 100%        | 100%        | 100%        | các cơ quan chuyên môn UBND đặc khu                         | Số liệu báo cáo |
| 34 | Tỷ lệ Quy mô kinh tế số trong GRDP                                                    | 30%         | 40%         | 45-50%      | 50-55%      | 60%         | Phòng Văn hóa - Xã hội                                      |                 |

**PHỤ LỤC 3:**

**PHÂN CÔNG CÁC NHIỆM VỤ CHUNG CỦA ĐẶC KHU THEO NHIỆM VỤ  
TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 71/NQ-CP**

| Stt      | Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)                                                                                                                                                                                                            | Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71 và các Thông báo kết luận Phiên họp BCĐTW)                                                          | Stt nhiệm vụ trong NQ 71 | Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá             | Kết quả cần đạt       | Thời gian hoàn thành |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| <b>I</b> | <b>NÂNG CAO NHẬN THỨC, ĐỘT PHÁ VỀ ĐỔI MỚI TƯ DUY, XÁC ĐỊNH QUYẾT TÂM CHÍNH TRỊ MẠNH MẼ, QUYẾT LIỆT LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TẠO XUNG LỰC MỚI, KHÍ THỂ MỚI TRONG TOÀN XÃ HỘI VỀ PHÁT TRIỂN KHCN, ĐMST VÀ CDS QUỐC GIA</b>                                            |                                                                                                                                       |                          |                                               |                       |                      |
| 1        | Nhiệm vụ CDS, phát triển KHCN, ĐMST được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hàng năm. | Cụ thể hóa nhiệm vụ CDS, phát triển KHCN, ĐMST trong chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị            | 6                        | UBND đặc khu, các cơ quan chuyên môn          | Kế hoạch công tác     | Thường xuyên         |
| 2        | Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật trong cấp uỷ các cấp.                                                                                                                                                                 | Phân đầu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo cơ quan, đơn vị nhà nước. | 9                        | Đảng uỷ, UBND đặc khu, các cơ quan chuyên môn | Tỷ lệ cụ thể từng năm | Thường xuyên         |

| Stt       | Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)                                                                                                                                                | Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71 và các Thông báo kết luận Phiên họp BCĐTW)                                                                                                                                                                                                                                                                            | Stt nhiệm vụ trong NQ 71 | Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá                      | Kết quả cần đạt                                              | Thời gian hoàn thành |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>II</b> | <b>KHẨN TRƯỞNG QUYẾT LIỆT HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, XÓA BỎ MỌI TƯ TƯỞNG, QUAN NIỆM, RÀO CẢN ĐANG CẢN TRỞ SỰ PHÁT TRIỂN, ĐƯA THỂ CHẾ THÀNH MỘT LỢI THỂ CẠNH TRANH TRONG PHÁT TRIỂN KHCN, ĐMST VÀ CDS</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                          |                                                        |                                                              |                      |
| 1         | Phối hợp với Sở ngành thành phố sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật... đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính                                                         | Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ; tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp                                               | 48                       | UBND đặc khu, các cơ quan chuyên môn, trung tâm PV HCC | Hoàn thành số hóa                                            | Tháng 10/2025        |
| 2         |                                                                                                                                                                                                   | Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp, triển khai tiếp cận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố | 49                       | UBND đặc khu, các cơ quan chuyên môn, trung tâm PV HCC | Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình | Tháng 12/2025        |

### PHỤ LỤC 4: PHÂN CÔNG CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

| Stt      | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cơ quan chủ trì                                  | Cơ quan phối hợp                                           | Sản phẩm đầu ra                 | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn đặc khu về phát triển KHCN, ĐMST và CDS</b>                                                                                                                                                                                    |                                                  |                                                            |                                 |                                |
| 1        | Công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Sự nghiệp công | Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND đặc khu | Bản tin, clip, phóng sự         | Hàng năm                       |
| 2        | Rà soát, tham mưu UBND đặc khu về tiêu chí xếp loại và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của người đứng đầu, trong đó, quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ về phát triển KHCN, ĐMST và CDS tại thành phố. Nghiên cứu đề xuất ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND đặc khu | Quy tắc/ quy chế                | Hàng năm                       |
| 3        | Xây dựng và đổi mới chương trình tuyên truyền, giáo dục hiệu quả để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển KHCN và ĐMST, thực hiện CDS trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội. Xây dựng tài liệu tuyên truyền về khoa học - công nghệ, ĐMST, CDS dưới                                                                   | Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Sự nghiệp công | Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND đặc khu | Kế hoạch, Tài liệu tuyên truyền | Hàng năm                       |

| Stt | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cơ quan chủ trì        | Cơ quan phối hợp                                           | Sản phẩm đầu ra   | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------|
|     | dạng dễ tiếp cận (video, infographic...) và đa dạng các hình thức tuyên truyền (mạng xã hội, website...)”                                                                                                                                                                                                                                                                              |                        |                                                            |                   |                                |
| 4   | Tham gia các lớp "học tập số", phổ cập, nâng cao kiến thức KHCN, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS. | Phòng Văn hóa - Xã hội | Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND đặc khu | Kế hoạch, Lớp học | Hàng năm                       |
| 5   | Tham gia các lớp học tập huấn, bồi dưỡng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (A.I) trong công tác quản lý nhà nước cho các cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể.                                                                                                                                                                                             | Phòng Văn hóa - Xã hội | Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND đặc khu | Kế hoạch, Lớp học | Hàng năm                       |
| 6   | Xây dựng quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phòng Văn hóa - Xã hội | Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND đặc khu | Quy tắc           | Tháng 12/2025                  |
| 7   | Tăng cường quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng đối với học sinh, học viên, sinh viên trên môi trường mạng góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao                                                                                                                                                                                                                             | Phòng Văn hóa - Xã hội | Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND         | Kế hoạch, Lớp học | Hàng năm                       |

| Stt       | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Cơ quan chủ trì                                            | Cơ quan phối hợp                                           | Sản phẩm đầu ra          | Thời gian thực hiện/hoàn thành                                       |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                            | đặc khu, các trường học                                    |                          |                                                                      |
| <b>II</b> | <b>Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, ĐMST trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh</b>                                                                                                                                                       |                                                            |                                                            |                          |                                                                      |
| 1         | Phối hợp với sở ngành thành phố trong việc chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp. | Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND đặc khu |                                                            | Báo cáo                  | Hàng năm                                                             |
| 2         | Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kết luận số 312-KL/TU ngày 15/02/2024; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021; Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 24/01/2022; Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 24/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.                                                                                                        | Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND đặc khu | Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND đặc khu | Báo cáo/Kế hoạch/Số liệu | Theo thời gian tại các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch đã phê duyệt |